|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Ngành nghề | Đối tượng | Vốn pháp định |
| 1 | Kinh doanh dịch vụ bảo vệ | Cơ sở kinh doanh nước ngoài đầu tư góp vốn với cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo vệ của Việt Nam | Ít nhất là 1.000.000 USD |
| 2 | Kinh doanh dịch vụ kiểm toán | Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ kiểm toán | 5 tỷ đồng |
| Chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam | Tối thiểu là 5 tỷ đồng. |
| Doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài được cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới | 500.000 USD |
| Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng | 6 tỷ đồng trở lên |
| 3 | Kinh doanh chứng khoán | Môi giới chứng khoán | Tối thiểu 25 tỷ đồng |
| Tự doanh chứng khoán | Tối thiểu 50 tỷ đồng |
| Bảo lãnh phát hành chứng khoán | Tối thiểu 165 tỷ đồng |
| Tư vấn đầu tư chứng khoán | Tối thiểu 10 tỷ đồng |
|  |   | Chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam | Tối thiểu 10 tỷ đồng. |
| Công ty quản lý quỹ, vốn tối thiểu cấp cho chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam | Tối thiểu 25 tỷ đồng. |
| Hoạt động môi giới chứng khoán phái sinh của công ty chứng khoán | Tối thiểu 800 tỷ đồng trở lên |
| Hoạt động tự doanh chứng khoán phái sinh của công ty chứng khoán | Tối thiểu 600 tỷ đồng trở lên |
| Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh của công ty chứng khoán | Tối thiểu 250 tỷ đồng trở lên |
| Công ty chứng khoán  [đăng ký kinh doanh](https://luatvietan.vn/thu-tuc-dang-ky-kinh-doanh.html) cả hoạt động môi giới chứng khoán phái sinh, tự doanh chứng khoán phái sinh và tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh | Tối thiểu từ 800 tỷ đồng trở lên |
|  |   | Kinh doanh chứng khoán phái sinh đối với công ty quản lý quỹ | Tối thiểu từ 25 tỷ đồng trở lên |
| Thành lập quỹ thành viên | Tối thiểu là 50 tỷ đồng |
| Công ty đầu tư chứng khoán | Tối thiểu là 50 tỷ đồng |
| 4 | Kinh doanh dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán niêm yết và các loại chứng khoán khác | **C**ung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán đối với thành viên bù trừ trực tiếp | Tối thiểu 1.000 tỷ đồng (đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) hoặc tối thiểu 250 tỷ đồng (đối với công ty chứng khoán); |
| **C**ung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán đối với thành viên bù trừ chung | Tối thiểu 7.000 tỷ đồng (đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) hoặc tối thiểu 900 tỷ đồng (đối với công ty chứng khoán). |
|  |   | Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh đối với công ty chứng khoán đối với thành viên bù trừ trực tiếp | Tối thiểu từ 900 tỷ đồng trở lên |
| Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh đối với công ty chứng khoán đối với thành viên bù trừ chung | Tối thiểu từ 1.200 tỷ đồng trở lên; |
| Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh đối với ngân hàng thương mại | Tối thiểu từ 5.000 tỷ đồng trở lên đối với ngân hàng thương mại |
| Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài | Từ 1.000 tỷ đồng trở lên |
|  |   | Lựa chọn ngân hàng cung cấp dịch vụ thanh toán tiền cho các giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán. | Trên 10.000 tỷ đồng |
| 5 | Kinh doanh bảo hiểm | Tổ chức nước ngoài thành lập [công ty trách nhiệm hữu hạn](https://luatvietan.vn/thu-tuc-thanh-lap-cong-ty-trach-nhiem-huu-han.html) bảo hiểm | Có tổng tài sản tối thiểu tương đương 02 tỷ đô la Mỹ vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép |
| Tổ chức Việt Nam [thành lập công ty](https://luatvietan.vn/tu-van-thanh-lap-doanh-nghiep) trách nhiệm hữu hạn bảo hiểm | Có tổng tài sản tối thiểu 2.000 tỷ đồng Việt Nam vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. |
| Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài thành lập chi nhánh tại Việt Nam | Có tổng tài sản tối thiểu tương đương 02 tỷ đô la Mỹ vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép |
| Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe | 300 tỷ đồng |
|  |   | Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm hàng không hoặc bảo hiểm vệ tinh | 350 tỷ đồng |
| Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm hàng không và bảo hiểm vệ tinh | 400 tỷ đồng |
| Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ kinh doanh bảo hiểm nhân thọ (trừ bảo hiểm liên kết đơn vị, bảo hiểm hưu trí) và bảo hiểm sức khỏe | 600 tỷ đồng |
| Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm liên kết đơn vị hoặc bảo hiểm hưu trí và | 800 tỷ đồng |
| Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm liên kết đơn vị và bảo hiểm hưu trí và | 1.000 tỷ đồng |
|  |   | Doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe | 300 tỷ đồng |
| Chi nhánh nước ngoài kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe | 200 tỷ đồng |
| Chi nhánh nước ngoài kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm hàng không hoặc bảo hiểm vệ tinh | 250 tỷ đồng |
| Chi nhánh nước ngoài kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm hàng không và bảo hiểm vệ tinh | 300 tỷ đồng |
| Doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh tái bảo hiểm phi nhân thọ hoặc cả hai loại hình tái bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe | 400 tỷ đồng |
| Doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh tái bảo hiểm nhân thọ hoặc cả hai loại hình tái bảo hiểm nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe |  700 tỷ đồng |
|  |   | Doanh nghiệp tái bảo hiểm kinh doanh cả 3 loại hình tái bảo hiểm nhân thọ, tái bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe | 1.100 tỷ đồng |
| Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm kinh doanh môi giới bảo hiểm gốc hoặc môi giới tái bảo hiểm | 4 tỷ đồng |
| Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm kinh doanh môi giới bảo hiểm gốc và môi giới tái bảo hiểm | 8 tỷ đồng |
| 6 | Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài |   | Tối thiểu là 200 tỷ đồng |
| 7 | Kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm |   | 15 tỷ đồng (hưa bao gồm mức vốn pháp định của các lĩnh vực kinh doanh khác mà doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật). |
| 8 | Kinh doanh ca-si-nô (casino) | Đầu tư dự án khu dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino | 02 tỷ đô la Mỹ |
| 9 | Kinh doanh đặt cược | Hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa | Tối thiểu là 1.000 tỷ đồng |
| Hoạt động kinh doanh đặt cược đua chó; | Tối thiểu là 300 tỷ đồng |
| Doanh nghiệp tổ chức thí điểm kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế | Tối thiểu 1.000 tỷ đồng hoặc tương đương |
| 10 | Kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí tự nguyện | Công ty quản lý quỹ | Tổng giá trị tài sản quản lý tối thiểu là 1.000 tỷ đồng |
| 11 | Hoạt động Sở Giao dịch hàng hóa | Sở giao dịch hàng hóa | Từ 150 tỷ đồng trở lên |
|  |   | Thành viên môi giới của Sở giao dịch hàng hóa | Từ 5 tỷ đồng trở lên |
|  |   | Thành viên kinh doanh của Sở giao dịch hàng hóa | Từ 75 tỷ đồng trở lên |
| 12 | Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh |   | Tiền ký quỹ là 10 tỷ đồng nộp tại tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp có kho, bãi |
| 13 | Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt |   | Tiền ký quỹ là 7 tỷ đồng Việt Nam nộp tại tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh, dụng trên địa bàn tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. |
| 14 | Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa đã qua sử dụng |   | Tiền ký quỹ là 7 tỷ đồng nộp tại tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.  |
| 15 | Kinh doanh theo phương thức bán hàng đa cấp |   | Từ 10 tỷ đồng trở lên |
| 16 | Hoạt động giáo dục nghề nghiệp | Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp | Tối thiểu là 05 tỷ đồng |
| Thành lập trường trung cấp giáo dục nghề nghiệp | Tối thiểu là 50 tỷ đồng |
| Thành lập trường cao đẳng giáo dục nghề nghiệp | Tối thiểu là 100 tỷ đồng |
| Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật | Tối thiểu là 05 tỷ đồng |
| Thành lập trường trung cấp giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật | Tối thiểu là 50 tỷ đồng |
|  |   | Thành lập trường cao đẳng giáo dục nghề nghiệp | Tối thiểu là 100 tỷ đồng |
| 17 | Kinh doanh dịch vụ việc làm |   | Mức ký quỹ 300.000.000 đồng |
| 18 | Kinh doanh dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài | Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài | Ký quỹ 2 tỷ đồng tại một ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam |
| Doanh nghiệp dịch vụ giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng | ký quỹ thêm 500.000.000 đồng đối với mỗi chi nhánh được giao nhiệm vụ. |
| 19 | Kinh doanh dịch vụ cho thuê lại lao động |   | Ký quỹ 2 tỷ đồng |
| 20 | Kinh doanh vận tải biển | Kinh doanh vận tải quốc tế | Tối thiểu là 05 tỷ đồng Việt Nam hoặc mua bảo hiểm để bảo đảm nghĩa vụ của chủ tàu đối với thuyền viên theo quy định. |
| 21 | Kinh doanh vận tải hàng không | Doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển hàng không khai thác đến 10 tàu bay | Tổi thiểu là 300 tỷ đồng |
| Doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển hàng không khai thác từ 11 đến 30 tàu bay | Tổi thiểu là 600 tỷ đồng |
| Doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển hàng không khai thác trên 30 tàu bay | Tổi thiểu là 700 tỷ đồng |
| Thành lập và duy trì doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung | Tổi thiểu là 100 tỷ đồng |
| 22 | Kinh doanh cảng hàng không, sân bay | Thành lập và duy trì doanh nghiệp cảng hàng không | Tổi thiểu là 100 tỷ đồng |
| 23 | Kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay | Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách | 30 tỷ đồng |
| Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa | 30 tỷ đồng |
|  |   | Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xăng dầu hàng không | 30 tỷ đồng |
| 24 | Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức | Doanh nghiệp, hợp tác xã Việt Nam, doanh nghiệp nước ngoài đầu tư tại Việt Nam | Duy trì tài sản tối thiểu tương đương 80.000 SDR hoặc có bảo lãnh tương đương hoặc có phương án tài chính thay thế theo quy định của pháp luật |
| 25 | Kinh doanh dịch vụ bưu chính | Cung ứng dịch vụ bưu chính trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh | Tối thiểu là 02 tỷ đồng |
| Cung ứng dịch vụ bưu chính quốc tế | Tối thiểu là 5 tỷ đồng |
| 26 | Kinh doanh dịch vụ viễn thông | Thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, số thuê bao viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 5 tỷ đồng |
| Thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, số thuê bao viễn thông trong phạm vi khu vực (từ 2 đến 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) | 30 tỷ đồng |
|  |   | Thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, số thuê bao viễn thông trong phạm vi  toàn quốc (trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) | 100 tỷ đồng |
| Thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện, số thuê bao viễn thông trong phạm vi khu vực (từ 15 đến 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) | 100 tỷ đồng |
| Thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện, số thuê bao viễn thông trong phạm vi toàn quốc (trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) | 300 tỷ đồng |
|  |   | Thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất có sử dụng kênh tần số vô tuyến điện | 20 tỷ đồng |
| Thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (mạng viễn thông di động ảo) | 300 tỷ đồng |
| Thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện | 500 tỷ đồng |
| Thiết lập mạng viễn thông cố định vệ tinh và di động vệ tinh | 30 tỷ đồng |
| 27 | Kinh doanh dịch vụ chứng thực chữ ký số |   | Ký quỹ tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam không dưới 05 tỷ đồng |
| 28 | Hoạt động của nhà xuất bản |   | Ít nhất 05 (năm) tỷ đồng |
| 29 | Hoạt động của cơ sở giáo dục đại học | Thành lập trường đại học công lập | Vốn đầu tư với mức tối thiểu là 1000 tỷ đồng (không bao gồm giá trị đất xây dựng trường) |
|  |   | Thành lập phân hiệu trường đại học công lập, cho phép thành lập phân hiệu trường đại học tư thục | Vốn đầu tư với mức tối thiểu là 250 tỷ đồng (không bao gồm giá trị đất xây dựng phân hiệu |
| Thành lập trường trung cấp sư phạm, phân hiệu trường trung cấp sư phạm | Tối thiểu là 50 tỷ đồng (không bao gồm giá trị về đất đai) |
| Thành lập trường cao đẳng sư phạm, phân cấp trường cao đẳng sư phạm | Tối thiểu là 100 tỷ đồng (không bao gồm giá trị về đất đai) |
| 30 | Hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam, phân hiệu cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài | Thành lập cơ sở giáo dục mầm non | Suất đầu tư ít nhất là 30 triệu đồng/trẻ (không bao gồm các chi phí sử dụng đất) |
| Thành lập cơ sở giáo dục phổ thông | Suất đầu tư ít nhất là 50 triệu đồng/học sinh (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). |
|  |   | Thành lập cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn | Suất đầu tư ít nhất là 20 triệu đồng/học viên (không bao gồm các chi phí sử dụng đất) |
| Thành lập cơ sở giáo dục đại học | Tổng số vốn đầu tư tối thiểu là 1.000 tỷ đồng (không bao gồm các chi phí sử dụng đất) |
| Thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam | Vốn đầu tư tối thiểu là 250 tỷ đồng (không bao gồm các chi phí sử dụng đất) |
| Các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài không xây dựng cơ sở vật chất mới mà chỉ thuê lại hoặc do bên Việt Nam góp vốn bằng cơ sở vật chất sẵn có để triển khai hoạt động | Mức đầu tư ít nhất phải đạt 70% các mức quy định trên |
| 31 | Kinh doanh dịch vụ lữ hành | Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | Mức ký quỹ là 20.000.000 đồng |
|  |   | Kinh doanh dịch vụ lữ hành đối với khách du lịch quốc tế đến Việt Nam | Mức ký quỹ là 50.000.000 đồng |
| Kinh doanh dịch vụ lữ hành đối với khách du lịch ra nước ngoài | Mức ký quỹ là 100.000.000 đồng |
| Kinh doanh dịch vụ lữ hành đối với khách du lịch quốc tế đến Việt Nam và khách du lịch ra nước ngoài | Mức ký quỹ là 100.000.000 đồng |
| 32 | Kinh doanh dịch vụ phát hành và phổ biến phim | Kinh doanh sản xuất phim | 200.000.000 đồng |
| 33 | Nhập khẩu phế liệu | Tổ chức, cá nhân nhập khẩu sắt, thép phế liệu khối lượng nhập khẩu dưới 500 tấn | Ký quỹ 10% tổng giá trị lô hàng phế liệu nhập khẩu |
| Tổ chức, cá nhân nhập khẩu sắt, thép phế liệu khối lượng nhập khẩu từ 500 tấn đến dưới 1.000 tấn | Ký quỹ 15% tổng giá trị lô hàng phế liệu nhập khẩu |
| Tổ chức, cá nhân nhập khẩu sắt, thép phế liệu khối lượng nhập khẩu từ 1.000 tấn trở lên | Ký quỹ 20% tổng giá trị lô hàng phế liệu nhập khẩu. |
|  |   | Tổ chức, cá nhân nhập khẩu giấy phế liệu và nhựa phế liệu khối lượng nhập khẩu dưới 100 tấn | Ký quỹ 15% tổng giá trị lô hàng phế liệu nhập khẩu |
| Tổ chức, cá nhân nhập khẩu giấy phế liệu và nhựa phế liệu khối lượng nhập khẩu từ 100 tấn đến dưới 500 tấn | Ký quỹ 18% tổng giá trị lô hàng phế liệu nhập khẩu |
| Tổ chức, cá nhân nhập khẩu giấy phế liệu và nhựa phế liệu khối lượng nhập khẩu từ 500 tấn trở lên | Ký quỹ 20% tổng giá trị lô hàng phế liệu nhập khẩu |
| 34 | Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại | Ngân hàng thương mại | 3.000 tỷ đồng |
| Chi nhánh ngân hàng nước ngoài | 15 triệu đô la Mỹ (USD). |
| 35 | Hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng | Công ty tài chính | 500 tỷ đồng |
| Công ty cho thuê tài chính | 150 tỷ đồng |
| 36 | Hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô | Ngân hàng chính sách | 5.000 tỷ đồng |
| Ngân hàng hợp tác xã | 3.000 tỷ đồng |
| Tổ chức tài chính vi mô | 05 tỷ đồng |
| Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động trên địa bàn một xã, một thị trấn (sau đây gọi là xã) | 0,5 tỷ đồng |
|  |   | Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động trên địa bàn một phường; quỹ tín dụng nhân dân hoạt động trên địa bàn liên xã, liên xã phường, liên phường | 01 tỷ đồng. |
| 37 | Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng |   | Vốn điều lệ tối thiểu là 50 tỷ đồng |
| 38 | Cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng |   | Vốn Điều lệ tối thiểu 30 tỷ đồng |
| 39 | Kinh doanh vàng | Doanh nghiệp kinh doanh mua, bán vàng miếng | Vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng trở lên |
| Tổ chức tín dụng kinh doanh mua, bán vàng miếng  | Vốn điều lệ từ 3.000 (ba nghìn) tỷ đồng trở lên |